TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2023.
V/v: "Ly hôn giữa chị H và anh M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Bình.

Ông Lê Trung Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/2/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Thu H; Sinh năm: 2000*(Vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:Anh Vũ Công M; Sinh năm: 1991*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm 1, thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2023 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tạ Thị Thu H trình bày: Chị và anh Vũ Công M kết hôn vào ngày 31/12/2019, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống nhưng do bất đồng quan điểm tích cách không hợp nên vợ chồng hay cãi nhau, không tin tưởng vào tình cảm của nhau. Từ tháng 12/2022 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Công M.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 07/9/2020. Hiện cháu Duy đang ở cùng anh M. Nay ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh M có nguyện vọng được nuôi con thì chị nhường quyền nuôi con chung cho anh M và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Lý do chị nhường quyền nuôi con cho anh M là vì anh M là con trai duy nhất của gia đình và cháu Duy là cháu đích tôn của gia đình anh M

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Tạ Thị Thu H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2023, bị đơn anh Vũ Công M trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Anh và chị Tạ Thị Thu H kết hôn vào ngày 31/12/2019, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống nhưng mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng hay cãi nhau, chị Hnhiều lần dọa ly hôn. Từ tháng 01/2023 mâu thuẫn trầm trọng, chị Hbỏ về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Hđã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, anh nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 07/9/2020. Hiện cháu D đang ở cùng anh. Nay ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị H và anh M, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Thu H và anh Vũ Công M. Về con chung: Giao cho anh Vũ Công M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Đức D, sinh ngày 07/9/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị H cáp dưỡng nuôi con. Chị Hcó quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị Hương phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị Thu

H, anh Vũ Công M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tạ Thị Thu H, anh Vũ Công M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Tạ Thị Thu H và anh Vũ Công M kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị Hxác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh M nhất trí. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị Hvà anh M nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị Thu H đối với anh Vũ Công M.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 07/9/2020. Hiện cháu Duy đang ở cùng anh M. Trên cở sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, giao cho anh Vũ Công M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị Hcấp dưỡng nuôi con. Chị Hcó quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hương, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị Thu H, anh Vũ Công M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Tạ Thị Thu H và anh Vũ Công M.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Công M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Đức D, sinh ngày 07/9/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004874 ngày 07/2/2023.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Tạ Thị Thu H, anh Vũ Công M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THA huyện Nam Trực;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP*